

Bản án số 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày 02 /7/2019
Về việc tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hiếu Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chau Khiêng Sốc;
2. Bà Chế Thị Hồng Cẩm.

Thư ký phiên tòa: Bà Oanh Đa Ra – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tri Tôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình đã thụ lý số 76/2019/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 03 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 213/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Néang N, sinh năm 1989;

Địa chỉ: tổ 7, ấp A, xã T, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- ***Bị đơn:*** Ông Chau H, sinh năm 1986;

Địa chỉ:, tổ 7, ấp A, xã T, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- ***Người phiên dịch:*** Ông Chau Sốc Siên – Chuyên viên trợ giúp pháp lý huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

(Nguyên đơn có mặt, vắng mặt bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 03 năm 2019 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Néang N trình bày: Vào năm 2007, bà N, ông H quen biết nhau, Su thời gian tìm hiểu, được sự chấp thuận của hai bên gia đình, đã tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T

huyện Tri Tôn vào ngày 21 tháng 9 năm 2007 Số 86, quyền số 01/2007. Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian Su đó thì vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nhiều lần ông H mắng chửi, đánh đập bà N nên từ đó vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến N1y. N1y bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với ông H. Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Néang Vy S, sinh ngày 13/02/2012, và cháu Néang Vy N1, sinh ngày 08/05/2008. N1y bà N yêu cầu được quyền nuôi dưỡng và chăm sóc, không yêu ông H phải cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung, quan hệ nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn ông Chau H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông H không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không gửi ý kiến bằng văn bản nên không có lời khai và qua việc tổng đạt thì được biết hiện tại hộ khẩu vẫn do địa phương quản lý.

Tại phiên Toà Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: *Thẩm phán:* Chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo qui định tại các Điều 26,35,39, 68, 97, 195 và Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. *Hội đồng xét xử:* Đảm bảo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. *Người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chấp hành chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận vì đã xảy ra mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bà Néang N khởi kiện xin ly hôn đối với ông Chau H, ông H có nơi cư trú tại: tổ 7, ấp Tô An, xã Cô Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Néang N và ông Chau Hol do quen biết và yêu nhau, được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cô Tô, huyện Tri Tôn vào ngày 21 tháng 9 năm 2007, số 86, quyển số 01/2007 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà N có đơn yêu cầu xin ly hôn, Tòa án đã tổng đạt thủ tục tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H không đến, cũng không gửi ý kiến cho Tòa án xem xét, thời gian ly thân giữa bà N, ông H đã gần 02 năm và ông H đã nhiều lần đánh đập bà N. Hơn nữa tại biên bản xác minh ngày 15/5/2019 tại địa phương thì được biết hiện bà N và ông H không còn sống chung nữa chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải, vận động tạo điều kiện cho được hàn gắn chung sống lại với nhau nhưng bà N vẫn kiên quyết xin được ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Néang N và ông Chau H.

- Về quan hệ con chung: Tại giấy khai sinh thể hiện bà Néang N và ông Chau H có 02 con chung tên Néang Vy S, sinh ngày 13/02/2012, và cháu Néang Vy N1, sinh ngày 08/05/2008. Từ khi sống ly thân thì các cháu đều do bà N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, hiện đã có cuộc sống ổn định và bà N tự nguyện không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi yêu cầu ly hôn cho đến nay ông H không có văn bản hay ý kiến gì về việc nuôi con và 02 cháu Vy S và cháu Vy N1 hiện đang sống ổn định với bà N, vì vậy nghĩ nên tiếp tục giao 02 cháu Vy S và cháu Vy N1 cho bà N được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận bà N không có yêu cầu ông H cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

- Về quan hệ nợ chung: Không có.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do bà Néang N xin được ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Áp dụng các Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Néang N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Néang N được ly hôn ông Chau H giấy đăng lý kết hôn số 86, quyển số 01/2007, ngày 21 tháng 9 năm 2007 đăng ký tại Ủy

ban nhân dân xã Cô Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang sẽ không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao các cháu Néang Vy S, sinh ngày 13/02/2012, và cháu Néang Vy N1, sinh ngày 08/05/2008 cho bà Néang N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, cho đến khi thành niên và không mất khả năng lao động. Ông Chau H không phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên bà N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc ông H thực hiện quyền thăm nom, giáo dục, chăm sóc con. Trên cơ sở lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

4. Về quan hệ nợ chung: Ghi nhận bà Néang N xác định không có nợ chung, nhưng Su khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên (bà N và ông H) vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Néang N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0012333 ngày 11 tháng 03 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (thị trấn) nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

- Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H.Tri Tôn;
- Chi cục THADS H.Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hiếu Trung

